

# Katella High School

## Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024 (Công bố trong năm học 2024-2025)



### Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

#### Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

#### Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)</b>	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ <a href="https://admission.universityofcalifornia.edu/">https://admission.universityofcalifornia.edu/</a> .
<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)</b>	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ <a href="https://www2.calstate.edu/">https://www2.calstate.edu/</a> .

### Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

<b>Tên Trường học</b>	<b>Katella High School</b>
<b>Đường phố</b>	2200 East Wagner Avenue
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính</b>	Anaheim, CA 92806-4933
<b>Số điện thoại</b>	(714) 999-3621
<b>Hiệu Trường</b>	Mr. Chuck Hernandez
<b>Địa chỉ email</b>	hernandez_r@auhsd.us
<b>Trang web của Trường</b>	<a href="https://katella.auhsd.us">https://katella.auhsd.us</a>
<b>Phạm vi cấp lớp</b>	9-12
<b>Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (CDE)</b>	30664313033057

### Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

<b>Tên Khu học chánh</b>	<b>Anaheim Union High School District</b>
<b>Số điện thoại</b>	(714) 999-3511
<b>Giám Đốc Khu Học Chánh</b>	Michael B. Matsuda
<b>Địa chỉ email</b>	webmaster@auhsd.us
<b>Trang web của Khu học chánh</b>	<a href="https://www.auhsd.us">https://www.auhsd.us</a>

### Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

**School Vision and Mission Statement: We Are Katella: Embracing, Evolving, Empowering for a Limitless Tomorrow**

At Katella High School, we are dedicated to fostering a community where students, families, staff, and the wider community work in partnership to create an inclusive and motivating learning environment. Our mission is to provide every student with a high-quality education that not only builds a solid foundation of knowledge and skills but also nurtures habits and attitudes that will support a lifetime of learning. We are committed to preparing students for a broad range of career paths and interests, empowering them to become responsible, engaged citizens in a rapidly changing world.

#### **Educational Highlights:**

Katella High School is committed to equipping students for success in both college and career pathways. Over the past three years, we have significantly expanded our Career and Technical Education (CTE) offerings and streamlined systems to support student success in CTE

## Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Pathway completion. These pathways span diverse industry sectors including Child Development, Design, Visual and Media Arts, Engineering Design, Food Services & Hospitality, Patient Care, Production & Managerial Arts, Public Safety, Software Systems & Development, and Systems Diagnostics, Service & Repair. These expanded offerings allow students to tailor their learning by choosing between CTE coursework, Advanced Placement (AP) classes, and Honors Program (HP) courses.

In response to student demand and to enhance college readiness, Katella High School has integrated Dual Enrollment courses into the regular school day, offering both virtual and in-person options. These courses enable students to earn transferable college credit while completing their high school studies.

The AIME Program at Katella High School provides invaluable work-based learning opportunities across three tiers, offering flexible virtual, hybrid, or in-person experiences. Our program boasts partnerships with leading organizations, including Disney, JP Morgan Chase, Tait & Associates, and the City of Anaheim, which allow students to gain hands-on experience in their chosen fields.

The Pledge Center serves as a hub for students seeking guidance on higher education and career pathways. Students have access to representatives from community colleges, four-year universities, and private technical schools, with support on college admissions, financial aid, FAFSA applications, scholarships, internships, college visits, career speakers, and field trips.

The Family Center at Katella High School serves as a vital resource for our students and their families. It provides support services such as assistance with accessing community resources, parent education programs, and workshops designed to empower families. The center focuses on fostering strong partnerships between home and school, ensuring that families are well-equipped to support their children's academic and social development. Staffed by a dedicated team, the Family Center helps connect families to essential services and opportunities, contributing to the overall well-being and success of our students.

As a proud California Green Ribbon School (CA-GRS), Katella High School exemplifies our commitment to sustainability and environmental awareness. In addition, we hold the State Seal of Civic Engagement and have earned the prestigious Award of Excellence as a California Democracy School, recognizing our dedication to fostering active and informed citizenship.

### Demographic Information:

Located in Anaheim, California, Katella High School serves a diverse student body of approximately 2,500 students. Of our student population, 87.2% are socio-economically disadvantaged. The student demographics are as follows: 90.7% Hispanic, 2.6% White, 2.2% Asian, 1.7% African-American, 1% Filipino, and 0.8% identifying as Two or More Races. Additionally, 22.2% of our students are English Learners, and 13.4% are Students with Disabilities.

Katella High School is supported by a dedicated team of educators and professionals, including approximately 110 teachers, 6 counselors, 2 social workers, a social work intern, 2 full-time Family Center staff, 2 full-time psychologists, 2 speech-language pathologists, 6 administrators, 81 classified employees, 15 food service staff, and 3 resident substitutes. We also collaborate with various community partners to provide additional resources and support for our students.

Together, we are shaping the future and empowering students to reach their full potential, both inside and outside the classroom.

## Giới thiệu Trường

### Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Lớp 9	631
Lớp 10	630
Lớp 11	614
Lớp 12	625
Tổng tuyển sinh	2,500

## Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	46.6
Nam	53.4
Phi nhị giới	0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.4
Người gốc Á	3.2
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	1
Người gốc Philippines	0.8
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	90.6
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.1
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.6
Người Da Trắng	2.9
Người Học Tiếng Anh	26.1
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.4
Học sinh vô gia cư	3
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	90.6
Học sinh khuyết tật	14.6

## A. Điều kiện học tập

## Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	73.40	72.06	897.90	74.43	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.70	0.74	3.00	0.25	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	7.20	7.09	49.90	4.14	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	29.50	2.45	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	20.50	20.11	226.00	18.73	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>101.90</b>	<b>100.00</b>	<b>1206.40</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	84.30	81.13	1094.60	83.18	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	8.50	0.65	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	8.20	7.93	73.20	5.56	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	32.80	2.50	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	11.30	10.93	106.80	8.11	15831.90	5.67
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>104.00</b>	<b>100.00</b>	<b>1316.10</b>	<b>100.00</b>	<b>279044.80</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	94.50	85.78	1131.10	84.42	231142.40	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.30	0.30	12.10	0.90	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	6.10	5.59	55.40	4.14	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.90	0.90	41.30	3.09	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	8.10	7.41	99.80	7.45	14303.80	5.15
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>110.10</b>	<b>100.00</b>	<b>1340.00</b>	<b>100.00</b>	<b>277698.00</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.70	1.6
Phân công sai	7.20	7.50	4.5
Vị trí trống	0.00	0.00	0
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai</b>	<b>7.20</b>	<b>8.20</b>	<b>6.1</b>

## Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.00	0.9
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00	0
<b>Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>	<b>0.9</b>

## Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
<b>Phân công sai cho Người học tiếng Anh</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	13.50	9.4	5.2
<b>Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	9.40	1.2	0.2

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

## Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

All content areas use standards-aligned, state- and district-adopted textbooks and instructional materials. Teachers play an active role in selecting textbooks at the district level through an established curriculum cycle. Comprehensive training is provided on both the primary textbooks and the ancillary materials, which are specifically designed to address the language and learning needs of students. These resources ensure that all students, regardless of background or ability, receive the support necessary to thrive academically.

This information was collected in December 16, 2024.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập

December 16, 2024

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	English language arts textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Collections, were adopted in 2014-15. There is one textbook available per student. Students are given a choice of opting out of a physical copy of the textbook to use a digital copy/eBook. AP Language uses The Language of Composition by BFW publishers from 2019. All students receive their own copies. AP Literature uses Perrine's Literature: Structure, Sound, and Sense from 2008. Students receive their own copies.	Yes	0
Toán	Mathematics textbooks, by Houghton Mifflin Harcourt for 7-8 grades and Mc Graw Hill for 9-12 grades were adopted in 2020-21. Course appropriate, standards-aligned instructional materials have been selected for each mathematics course. There is one textbook available per student. All were adopted during the 2020-2021 school year. Math 7/7H & Math 7: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 7 Math 8/8H & Math 8: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 8 Integrated Math I: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I Integrated Math II: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math II Integrated Math III: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math III Integrated Math 1-2 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I & McGraw Hill - Reveal Math Integrated II Integrated Math 2-3 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated II & McGraw Hill - Reveal Math Integrated III	Yes	0
Khoa Học	Science textbooks, California HMH Science Dimensions was adopted in 2018-19 for 7 & 8 grades. Science textbooks that support Advanced Placement courses are adopted as needed, the most recent adoption occurring in 2021-22, Pearson Environmental Science AP Edition. The following books were adopted for the 24-25 school year: Living Earth: "Experience Biology: The Living Earth" Publisher Miller & Levine, Savvas Chemistry of the Living Earth : "Experience Chemistry in the Earth System" Savvas Physics of the Universe uses OpenSciEd.org online resource There is one textbook available per student. Science textbooks for grades 7 and 8 Integrated Science were adopted in 2018-19: HMH CA Science Dimensions. The e-text and one consumable textbook is available per student. The following instructional materials were adopted in 2024 for the high school level: Living Earth- Savvas- Miller & Levine- Experience Biology: The Living Earth. All students	Yes	0

	<p>have access to the e-text and a physical textbook within the classroom. Chemistry in Earth Systems- Savvas- Experience Chemistry in the Earth System All students have access to the e-text and a physical textbook within the classroom. Physics of the Universe- OpenSciEd HS Science Physics is an open educational resource. Textbooks that support Advanced Placement science courses are adopted as needed, the most recent adoption occurring in 2024, Cengage, Chemistry AP Edition 11th Edition.</p>		
<b>Lịch sử-Khoa học xã hội</b>	<p>History/Social science textbooks were adopted in 2018-19, 2019-20 and 2020-2021 for 12th grade textbooks. 7th grade-Cengage Learning-World History: Medieval and Early Modern Times, CA Student Edition 8th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography- Growth and Conflict 10th grade- McGraw-Hill-World History, Culture, and Geography: The Modern World, CA Student Edition 11th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography- Conflict and Change 12th grade- McGraw-Hill- Principles of American Democracy. Savvas- California Economics Principles in Action There is one textbook available per student.</p>	Yes	0
<b>Ngoại ngữ</b>	<p>World Language textbooks are adopted as needed by the course. Several courses adopted new textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Avancemos and Houghton Mifflin Harcourt-Bien Dit, in 2016-17. We have adopted new textbooks for French and non-native Spanish classes by Vista Higher Learning this year. A class set of actual texts in the classroom and students have access to their vtext via clever and the vista site, which is vhlcentral. Chemin I-IV for French. Senderos I - IV is the textbook for Spanish classes. Additionally, supplemental books continue to be adopted each year. There is one textbook available per student.</p> <p>Below is the list of districtwide World Language adopted instructional materials: American Sign Language 1: Master ASL! 1, ISBN: 9781881133209, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 2 and American Sign Language 3: Signing Naturally 3, ISBN: 9781581211351, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 4: Translating from English, ISBN: 9781581211009, Adopted 2017/2018 Arabic 1: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 1, ISBN: 9781933269092, Adopted 2019/2020 Arabic 2: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 2, ISBN: 9781933269108, Adopted 2019/2020 Arabic 3 and Arabic 4: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 3, ISBN: 9781933269115, Adopted 2019/2020 French 1: Chemins 1, ISBN: 9781543362237, Adopted: 2023/2024 French 2: Chemins 2, ISBN: 9781543362299, Adopted 2023/2024 French 3: Chemins 3, ISBN: 9781543362312, Adopted: 2023/2024 French 4: Chemins 4, ISBN: 9781543362336, Adopted: 2023/2024 AP French Language and Culture: Themes, ISBN: 9781680040272, Adopted: 2015/2016 Japanese 1: Adventures In Japanese 1, ISBN: 781622910564, Adopted: 2015/2016 Japanese 2: Adventures in Japanese 2, ISBN: 9781622910663, Adopted: 2015/2016</p>	Yes	0



	<p>Japanese 3: Adventures in Japanese 3, ISBN: 9780887173995, Adopted: 2003/2004</p> <p>Japanese 4: Adventures in Japanese 4, ISBN: 9780887274428, Adopted: 2003/2004</p> <p>Korean 1: EPIC Korean 1, ISBN: 9781636849409, Adopted: 2022/2023</p> <p>Korean 2: EPIC Korean 2, ISBN: 9781636849423, Adopted: 2022/2023</p> <p>Korean 3: EPIC Korean 3, ISBN: 9781636849447, Adopted: 2023/2024</p> <p>Korean 4: EPIC Korean 4, ISBN: 9781636849461, Adopted: 2022-2023</p> <p>Mandarin 1 and Mandarin 2: Zhen Bang! 1, ISBN: 9780821981368, Adopted: 2015/2016</p> <p>Mandarin 3 and Mandarin 4: Zhen Bang! 2, ISBN: 9780821988237, Adopted: 2015/2016</p> <p>Spanish 1: Senderos 1, ISBN: 9781543357936, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish 2: Senderos 2, ISBN: 9781543358070, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish 3: Senderos 3, ISBN: 9781543358131, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish 4: Senderos 4, ISBN: 9781543358193, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish for Spanish Speakers 1: Cajas de Cartón (The Circuit), ISBN: 9780618226160 (Novel), La Casa De Mango Street (The House on Mango Street), ISBN: 9780679755265 (Novel), El Color de Mis Palabras, ISBN: 9781930332751 (Novel), Esperanza Renace (Esperanza Rising), ISBN: 9780439398855 (Novel), Adopted: 2017</p> <p>Spanish for Spanish Speakers 2: Antes de Ser Libres, ISBN: 9780375815454 (Novel), Caramelo, ISBN: 9781400030996 (Novel), Senderos Fronterizos (Breaking Through), ISBN: 9780618226184 (Novel), La Travesía de Enrique (Enrique's Journey), ISBN: 9780553535549 (Novel), Voces Sin Fronteras (Voices without Frontiers), ISBN: 9781400077199 (Novel), Adopted: 2017</p> <p>Spanish for Spanish Speakers 3: Más Allá de Mí, ISBN: 9780547250311 (Novel), El Alquimista (The Alchemist), ISBN: 9780062511409 (Novel), Cuando Era Puertorriqueña (When I was Puerto Rican), ISBN: 9780679756774 (Novel), Los de Abajo, ISBN: 9780140266214 (Novel), Me Llamo Rigoberta Menchu, ISBN: 9789682313158 (Novel), Adopted: 2017</p> <p>AP Spanish Literature &amp; Culture: Azulejo, ISBN: 9781938026225, Adopted: 2022/2023</p> <p>AP Spanish Language &amp; Culture: Temas, ISBN: 9781543301380, Adopted: 2022/2023 and Abriendo Puertas, ISBN: 9780618222070, Adopted: 2012/2013</p> <p>IB Spanish: Temas Para Español B, ISBN: 9781543310658, Adopted: 2019/2020</p> <p>Vietnamese 1 and Vietnamese 2: Tiếng Việt M?n Yêu A, ISBN: 9780997751208, Adopted 2018/2019</p> <p>Vietnamese 3: Tiếng Việt M?n Yêu B, ISBN: 9780997751215, Adopted 2019/2020</p> <p>Vietnamese 4H and Vietnamese 5H: Tiếng Việt M?n Yêu C, ISBN: 9780997751222, Adopted 2019/2020</p> <p>Vietnamese 6H: Tiếng Việt M?n Yêu D, ISBN: 9780997751231, Adopted 2019/2020</p>		
<b>Sức khỏe</b>	Health textbooks, McGraw Hill-Teen Health for 7-8 grades, and Goodheart Wilcox-Comprehensive Health for High School were adopted in 2016-17. There is one textbook available per student.	Yes	0
<b>Nghệ thuật thị giác và biểu diễn</b>	Visual and performing arts students have access to course appropriate textbooks and instructional materials.	Yes	0

Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	0
---	---------------	---------------	---

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

## Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Katella High School opened in 1966. The 39.1 acre site includes 60 regular classrooms and 32 portable classrooms. There are 26 labs, which are designed for specific programs (i.e. computer lab, science lab, choral music room, etc.). The site also includes an auditorium, a cafeteria, a media center, two gyms and a pool facility, and a variety of sports fields.

Maintenance and Repair: Site and District maintenance staff ensure that the repairs necessary to keep the school in good repair and working order are completed in a timely manner. A work order process is used to ensure efficient service. Emergency repairs are given the highest priority.

Cleaning Process and Schedule: The District's Board of Trustees has adopted cleaning standards for all schools. The administration works daily with the custodial staff to develop cleaning schedules to ensure a clean and safe school. All classrooms and restrooms are cleaned daily. Deep cleaning, including waxing of floors and painting, takes place during times when students are not in classes. Students, parents and staff are encouraged to report any objectionable conditions via a uniform complaint procedure.

A large modernization and construction project was completed in March of 2009, which included several new classrooms, and converting the media center into four classrooms and one computer lab.

The most recent site inspection was completed on October 17, 2024.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất October, 2024

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
<b>Nội thất:</b> Bề mặt nội thất		X		Room 207 - Possible water damage under the carpet. Planned Action Taken: Fix possible water damage under the carpet, in room 207. The floor on the south end is warped. Planned Action Taken: Repair the Gym floor on the south end, that is warped.
<b>Độ sạch sẽ:</b> Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
<b>Điện</b>	X			
<b>Nhà vệ sinh/Bồn rửa:</b> Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
<b>An toàn:</b> An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
<b>Kết cấu:</b> Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			
<b>Ngoại thất:</b> Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào	X			Room 500 - The metal grate outside of the classroom is broken. Planned Action Taken: Repair the broken metal grate outside of classroom 500 Gym doors - Several screws are stripped and some are missing screws on the hinges. Planned Action Taken: Repair several screws that are stripped and missing on the Gym doors.

## Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

## B. Kết quả học tập của học sinh

### Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

#### Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang

(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

#### Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm

Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

## Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Ngữ văn Anh/Đọc viết</b> (lớp 3-8 và 11)	46	46	42	42	46	47
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và 11)	11	12	24	24	34	35

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
<b>Tất cả học sinh</b>	593	577	97.30	2.70	45.99
<b>Nữ</b>	287	277	96.52	3.48	51.26
<b>Nam</b>	306	300	98.04	1.96	41.08
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Á</b>	18	18	100.00	0.00	77.78
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Philippines</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	540	525	97.22	2.78	44.06
<b>Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da Trắng</b>	13	13	100.00	0.00	46.15
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	123	118	95.93	4.07	8.47
<b>Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh vô gia cư</b>	22	21	95.45	4.55	23.81
<b>Quân đội</b>	38	35	92.11	7.89	57.14
<b>Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn</b>	536	521	97.20	2.80	43.44
<b>Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	76	69	90.79	9.21	11.76

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	593	571	96.29	3.71	12.46
Nữ	287	277	96.52	3.48	10.87
Nam	306	294	96.08	3.92	13.95
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	18	18	100.00	0.00	44.44
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	540	519	96.11	3.89	10.42
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	13	13	100.00	0.00	23.08
Người Học Tiếng Anh	123	117	95.12	4.88	1.71
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	22	20	90.91	9.09	10.00
Quân đội	38	36	94.74	5.26	5.56
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	536	515	96.08	3.92	10.70
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	76	69	90.79	9.21	0.00

## Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Khoa Học</b> (lớp 5, 8 và trung học)	20.27	21.30	28.38	28.30	30.29	30.73

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	1227	1213	98.86	1.14	21.60
Nữ	586	580	98.98	1.02	20.34
Nam	641	633	98.75	1.25	22.75
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	42	42	100.00	0.00	47.62
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	13	13	100.00	0.00	23.08
Người gốc Philippines	15	15	100.00	0.00	46.67
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1112	1099	98.83	1.17	19.93
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	31	31	100.00	0.00	32.26
Người Học Tiếng Anh	195	190	97.44	2.56	0.53
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	48	47	97.92	2.08	21.28
Quân đội	67	66	98.51	1.49	16.67
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	872	860	98.62	1.38	22.09
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	165	158	95.76	4.24	9.49

## Chương trình Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật 2023-24

Katella High School offers eight career pathways that reflect the diverse needs, interests, and aspirations of our student body. These pathways encompass industries such as Arts, Media & Entertainment; Building Trades & Construction; Education, Child Development, and Family Services; Business & Finance; Hospitality, Tourism, and Recreation; Information and Communication Technologies; Public Services; and Transportation.

Our CTE courses align with the CTE Model Curriculum Standards, ensuring that students gain the skills needed for both academic success and future careers. We prioritize universal design for learning, ensuring accessibility for all students. Our district evaluates CTE success through metrics such as graduation rates, A-G completion rates, post-secondary enrollment, and career placements. CTE teachers stay updated through regional advisory boards facilitated by Vital Link, ensuring that curricula meet industry needs and trends.

## Tham gia Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật (CTE) năm 2023-24

Thước đo	Tham gia chương trình CTE
Số lượng học sinh tham gia CTE	1558
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình CTE và nhận bằng tốt nghiệp trung học	63.8
Tỷ lệ các khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc liên kết giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học	

## Đăng ký/Hoàn thành khóa học

Bảng này hiển thị các yêu cầu tuyển sinh/hoàn thành khóa học của Đại Học California (UC) và/hoặc Đại Học Tiểu Bang California (CSU).

Thước đo Khóa học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh năm 2023-24 đã đăng ký các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	99.2
Học sinh tốt nghiệp năm 2022-23 đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	54.04

## B. Kết quả học tập của học sinh Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

## Kết Quả Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Đuỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 9	50	62	59	62	64

## C. Mức độ gắn kết

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Katella High School strives to move parent participation from awareness to active involvement in the decision-making process. Parents are encouraged to engage in both on-campus and off-campus activities, with opportunities to participate in the School Site Council, English Learner Advisory Committee (ELAC), District English Learner Advisory Committee (DELAC), Superintendent Parent Advisory Committee (SPAC), and more. Activities include orientations, parent learning walks, workshops, and grade-level meetings. Workshops, offered in English and Spanish, focus on providing strategies and resources to help parents support their students.

The Family Center staff serves as a liaison between the school, community, and family, offering support in Spanish and connecting families to resources. Our Family and Community Engagement Specialist (FACES) works closely with families, particularly those with the greatest need, and coordinates parent workshops. FACES also attends district-level meetings and participates in committees. Katella High School also provides training for parents in tools like the Aeries system and ParentSquare for better communication between home and school.

The Parent Leadership Academy empowers volunteer parents to support each other's students' academic achievements, while new workshops like the Parent Empowerment Program, build parents' capacity to positively impact their children's education. Katella High School is also developing a Community School Site Team, made up of students, staff, parents, and community members, to ensure collaborative



## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

decision-making that supports the whole student.

In addition, Katella High School operates a Community Schools program led by our Community Schools Coordinator and Community Schools Teacher Lead. They work closely with families and community members to identify needs, ensuring that everyone feels involved and supported. They conduct an annual Needs and Asset Survey, using the feedback to guide decisions and resource distribution. This collaborative approach helps foster a strong, inclusive school community and ensures that all students receive the support they need to succeed.

### C. Mức độ gắn kết

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 5)

- Tỷ lệ bỏ học bậc Trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Nghỉ học triển miên

#### Tỷ lệ bỏ học và Tỷ lệ tốt nghiệp (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Chỉ số	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Tỷ lệ bỏ học	3.1	3.7	2.2	3.6	4.1	4.1	7.8	8.2	8.9
Tỷ lệ tốt nghiệp	94.6	93.8	96.0	92.4	91.0	93.2	87.0	86.2	86.4

#### Tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Bảng này hiển thị tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh bốn năm (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh của CDE tại địa chỉ [www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp](http://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp).

Nhóm học sinh	Số lượng học sinh trong nhóm	Số lượng tốt nghiệp trong nhóm	Nhóm Tỷ lệ tốt nghiệp
Tất cả học sinh	601	577	96.0
Nữ	283	269	95.1
Nam	318	308	96.9
Phi nhị giới	0.0	0.0	0.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0.00
Người gốc Á	25	23	92.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	541	519	95.9
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--
Người Da Trắng	18	18	100.0

Người Học Tiếng Anh	132	115	87.1
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--
Học sinh vô gia cư	48	44	91.7
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	580	557	96.0
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.0	0.0	0.0
Học sinh khuyết tật	87	74	85.1

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

### Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	2635	2582	784	30.4
Nữ	1235	1205	400	33.2
Nam	1398	1375	382	27.8
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	16	--	--	--
Người gốc Á	84	82	9	11.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	30	25	5	20.0
Người gốc Philippines	24	24	3	12.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2381	2344	744	31.7
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	15	15	2	13.3
Người Da Trắng	77	76	18	23.7
Người Học Tiếng Anh	723	708	252	35.6
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	13	13	8	61.5
Học sinh vô gia cư	109	103	41	39.8
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	2425	2382	733	30.8
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	383	379	152	40.1

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

## C. Mức độ gắn kết

## Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

### Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Đình chỉ	2.65	4.26	5.5	2.75	3.78	4.06	3.17	3.6	3.28
Đuổi học	0	0	0	0	0	0	0.07	0.08	0.07

### Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	5.50	0.00
Nữ	5.34	0.00
Nam	5.65	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	6.25	0.00
Người gốc Á	1.19	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.00	0.00
Người gốc Philippines	4.17	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	5.80	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	13.33	0.00
Người Da Trắng	2.60	0.00
Người Học Tiếng Anh	8.58	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	23.08	0.00
Học sinh vô gia cư	4.59	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	5.69	0.00

Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	7.57	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

### Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

Katella High School's Safety Plan is reviewed annually to ensure it aligns with current needs. The most recent review took place in February 2024, with another scheduled for January 2025. Input is gathered from staff, students, community groups, and the School Site Council to assess necessary updates. The plan is executed by staff, and at least four safety and evacuation drills are conducted each year. Participation in these drills is mandatory for students, teachers, and staff members to ensure readiness in case of an emergency.

### Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2020-21. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	29	17	29	47
Toán	29	18	17	51
Khoa Học	33	4	12	50
Khoa Học Xã Hội	29	11	16	44

### Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	28	14	50	31
Toán	28	15	42	32
Khoa Học	29	9	33	29
Khoa Học Xã Hội	30	10	20	39

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	29	26	8	57
Toán	29	18	12	51
Khoa Học	32	7	7	46
Khoa Học Xã Hội	30	9	20	35

## Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	416.67

## Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục “Khác” dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	6
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	3
Nhân viên xã hội	1
Y tá	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	1
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	4

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
<b>Trường</b>	\$11,259	\$2,676	\$8,583	\$108,502
<b>Khu học chánh</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	10,142	\$110,806
<b>Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	-16.7	-2.1
<b>Tiểu bang</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,771	\$105,265
<b>Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	-22.6	3.0

## Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

Title I, Title IV, Local Control Funding Formula (LCFF), Community School funding, Prop 28, ROP, and Perkins funds have all been used to supplement and support core programs and to provide the following:

Various services receive funding to support school and district initiatives aimed at enhancing student achievement. These include professional development for staff members aligned with educational objectives, such as the employment of a math teacher for Integrated Math 1, before and after-school tutoring, credit recovery courses, and additional English teachers to elevate student performance. Funds also contribute to the implementation of programs like AVID, Puente, and drug use prevention, as well as supporting field trips, enrichment activities, and leadership training. The allocation extends to technology and instructional materials, hiring additional teachers for arts education, and providing resources for a multi-tier system of support. Moreover, financial support facilitates teacher conferences, after-school collaboration pay, and various supplementary learning opportunities. Funding is also directed towards community engagement, with allocations for community liaison roles, bilingual instructional aides, and a Community Schools Coordinator. Additionally, funds address facility needs to foster a positive campus environment, supporting initiatives like Neutral Ground and PBIS.

50% of 5 C/Tech Coach salary  
 Teacher Conferences and subs  
 After-school teacher/staff pay for collaboration  
 Support additional professional learning in arts content areas  
 Yearly library order  
 Math/English/Science Credit Recovery  
 College and Career-Related Field Trips - Puente, AVID  
 AVID Tutors  
 Hire additional teachers and staff to supplement and support arts education instruction  
 Provide hourly teacher pay for supplemental arts education.  
 Instructional materials  
 Graphic Arts  
 Physical Education  
 Purchase additional materials/equipment for arts courses to improve student experiences and access to course material  
 Books and reference material  
 Purchase and maintain technology and/or supplemental technology materials/equipment.  
 4 Bilingual Instructional Aide Salaries  
 Community Schools  
 Family Center allocation  
 Family and Community Engagement Specialist salary  
 Employ a full-time Community Schools Coordinator.  
 Employ a part-time Community Schools Teacher Lead  
 Neutral Ground and PBIS  
 Tobacco-Use Prevention Education  
 Improve and address facility needs to support a positive campus

## Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$61,034	\$62,635
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$104,665	\$101,698
Mức lương giáo viên cao nhất	\$133,937	\$128,982
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	\$0	
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	\$149,493	\$162,013
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	\$161,969	\$182,697
Lương giám đốc	\$328,935	\$298,748
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	31.58	30.11
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	3.97	4.78

## Các khóa học Lớp nâng cao (AP) năm 2023-24

Bảng này hiển thị phần trăm học sinh tham gia các khóa học AP tại trường này.

Tỷ lệ học sinh tham gia các khóa học AP	16.7
---	------

Bảng này hiển thị số lượng khóa học AP được cung cấp tại trường này, nơi có ít nhất một học sinh đăng ký theo học.

Môn học	Số lượng khóa học AP được cung cấp
Khoa học máy tính	2
Tiếng Anh	2
Mỹ thuật và Nghệ thuật biểu diễn	1
Ngoại ngữ	1
Toán	2
Khoa Học	4
Khoa Học Xã Hội	4
<b>Tổng số khóa học AP được cung cấp</b> Có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.	16

## Phát triển Chuyên môn

Teachers engage in a range of District in-services, professional development workshops, and conferences designed to deepen their content knowledge and refine their instructional practices. These opportunities are supplemented by four professional development days and weekly late-start meetings, scheduled annually to focus on professional learning activities. Additionally, new teachers are required to participate in a teacher induction program to support their transition. The District and school are committed to providing ongoing training in differentiated curriculum delivery, emphasizing depth and complexity. Teachers are trained to use students' Performance Task Assessments and 5 C's Reflection results to tailor instruction to meet the diverse needs of their students. Classified staff also have numerous opportunities to

## Phát triển Chuyên môn

enhance their skills and effectiveness in supporting students. All District staff receive continuous support to ensure they are able to deliver highly effective lessons. Teachers and administrators are provided with ample opportunities to assess and realign instructional programs and strategies in line with state curriculum performance and content standards, with a focus on implementing research-based instructional methods.

Over the past three years, significant professional development has centered on addressing the social-emotional needs of both students and staff. Many Katella staff members have participated in Mindfulness training, incorporating mindfulness practices into their classrooms by starting each day with mindful activities or breathing exercises. To foster student engagement, well-being, and a sense of community, all teachers have received professional development in Capturing Kids' Hearts, a program that emphasizes the development of the 5 C's and student voice in the classroom. This program encourages collaboration between students and teachers to create a social contract for classroom management.

As a Community School, we have integrated community school goals into our Performance Task Assessments (PTAs). Teachers were given 10 hours over the summer to create PTAs with a community school component embedded, ensuring alignment with our broader goals for student engagement and support.

Professional development related to the District's Career Preparedness System Framework (CPSF) remains a year-round focus. Professional Learning Communities (PLCs) meet twice a month to collaborate on creating performance task assessments that align with all components of the CPSF: Youth Voice & Purpose, 21st Century Skills, and Technical Skills. A school-wide PTA matrix houses the performance task assessments from each PLC, along with student samples, allowing groups to reflect on student progress.

In the area of ELD/SWD professional development, a teacher-led session at the beginning of the 2024 school year focused on training teachers to identify and monitor special populations of students through Aeries. Teachers were provided with strategies to engage these students, promote their participation in classes, and support their growth in the 5 C's, ultimately leading to improved passing rates among marginal populations. ELD/SWD professional development continues throughout the year during late-start sessions, with both District and school-site workshops.

Katella High School further supports professional growth through weekly development opportunities during Thursday's late-start days. These sessions allow departments, specialized programs, and cross-curricular teams to collaborate and engage in various workshops and conferences aimed at enhancing educational practices.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	10		